

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 07 ngày 22 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, Phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
Ông Phan Ngọc Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Hà Minh	Tổng Giám đốc (Từ ngày 21/04/2017)
Ông Nguyễn Văn Công	Tổng Giám đốc (Đến ngày 21/04/2017)
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Quân	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/03/2017)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 126/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 01/12/2017 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 68.000.000.000 đồng lên 88.000.000.000 đồng. Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 07 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/02/2018.

Ngoài sự kiện trên, Theo nhận định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Công
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Số: 228/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017

của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 16/3/2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 5.9 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bản giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



A blue ink handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		396.629.806.385	308.321.800.693
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	53.686.194.224	44.972.923.375
1. Tiền	111		46.786.194.224	44.972.923.375
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.900.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	60.200.000.000	50.254.073.328
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.200.000.000	50.254.073.328
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.489.685.840	166.560.573.557
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.991.651.118	43.681.727.657
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	29.281.873.658	9.466.169.591
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	145.726.836.342	113.923.351.587
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(510.675.278)	(510.675.278)
IV. Hàng tồn kho	140		50.828.998.200	45.914.570.654
1. Hàng tồn kho	141	5.7	50.828.998.200	45.914.570.654
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.424.928.121	619.659.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	758.912.660	96.493.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.666.015.461	523.166.355
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		72.515.258.797	58.919.748.232
II. Tài sản cố định	220		17.628.864.653	17.020.030.189
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	16.478.864.653	15.870.030.189
- Nguyên giá	222		48.967.097.338	45.815.749.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.488.232.685)	(29.945.719.131)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.150.000.000	1.150.000.000
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.828.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.728.180)	(678.728.180)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	22.268.021.313	17.056.196.848
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.268.021.313	17.056.196.848
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	17.996.283.274	16.457.022.775
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.070.000.000	6.770.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.364.008.000	11.364.008.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.437.724.726)	(1.676.985.225)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.622.089.557	8.386.498.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	14.622.089.557	8.386.498.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		469.145.065.182	367.241.548.925

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		356.784.833.487	278.066.534.158
I. Nợ ngắn hạn	310		356.784.833.487	278.066.534.158
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	3.562.819.629	3.577.601.885
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	111.856.440.309	93.221.425.650
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	842.482.219	2.287.824.710
4. Phải trả người lao động	314		12.086.838.766	11.375.145.435
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		58.572.689.141	36.222.070.079
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	150.141.212.151	124.234.327.440
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	19.001.100.000	5.372.094.180
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		721.251.272	1.776.044.779
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		112.360.231.695	89.175.014.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	112.360.231.695	89.175.014.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68.000.000.000	50.776.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.000.000.000	50.776.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.758.900.000	11.594.055.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.157.046.186	16.027.036.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.444.285.509	10.777.703.191
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.444.285.509	10.777.703.191
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		469.145.065.182	367.241.548.925

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	354.858.018.958	332.883.783.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	37.764.020	49.564.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	354.820.254.938	332.834.218.164
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	308.293.625.110	283.951.775.425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		46.526.629.828	48.882.442.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	7.923.262.296	5.481.906.708
7. Chi phí tài chính	22	5.22	53.321.581	1.834.485.225
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		292.582.080	157.500.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	42.422.161.248	42.169.317.994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		11.974.409.295	10.360.546.228
11. Thu nhập khác	31		4.300.960.436	4.734.675.242
12. Chi phí khác	32		837.432.437	805.894.239
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	3.463.527.999	3.928.781.003
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.437.937.294	14.289.327.231
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	3.271.258.873	2.989.231.128
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.166.678.421	11.300.096.103
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	1.649	2.068

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.437.937.294	14.289.327.231
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	3.398.926.481	3.258.501.387
- Các khoản dự phòng	03	(239.260.499)	2.187.660.503
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.913.632.251)	(5.474.552.743)
- Chi phí lãi vay	06	292.582.080	157.500.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.976.553.105	14.418.436.378
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(64.071.961.389)	(23.340.561.478)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.914.427.546)	3.552.912.714
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	65.255.056.906	13.340.648.844
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.898.010.373)	3.393.302.338
- Tiền lãi vay đã trả	14	(292.582.080)	(157.500.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.530.772.854)	(3.540.711.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.476.144.231)	7.666.527.769
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.219.585.410)	(4.694.401.575)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	844.909.091	322.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.945.926.672)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.800.000.000)	(10.789.008.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.913.632.251	5.474.552.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.706.970.740)	(8.686.129.559)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.223.780.000	8.470.275.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	46.530.617.596	6.710.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.901.611.776)	(2.887.954.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.956.400.000)	(4.840.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.896.385.820	7.452.320.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	8.713.270.849	6.432.718.710
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.972.923.375	38.540.204.665
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	53.686.194.224	44.972.923.375

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 07 ngày 22 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT.

Tên viết tắt: CONINCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 88.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.734.000	17.340.000.000	19,7%
Các cổ đông khác	7.066.000	70.660.000.000	80,3%
Tổng	8.800.000	88.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, Phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân năm 2017: 1.026 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Giáo dục nghề nghiệp
(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Sản xuất máy thông dụng khác
Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Đại lý môi giới, đấu giá
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khóa trao tay”;
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu
Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Kinh doanh dịch vụ bất động sản (không hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác
Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch
Kinh doanh Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Kinh doanh nhà hàng, quán ăn; Dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :

Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết

Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị công nghệ mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Thiết kế mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Giám sát công tác khảo sát xây dựng; Khảo sát địa chất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1; Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên; Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài; Thăm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng; Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường); Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp & hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	Buôn bán và bảo trì thang máy	38% 38%
2	Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	Tư vấn xây dựng	25% 25%
3	Công ty Cổ phần CONINCO CN XD và Môi trường	Tư vấn xây dựng	25% 25%
4	Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Tư vấn xây dựng	29% 29%
5	Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Tư vấn xây dựng	29% 29%
6	Công ty CP Coninco Đầu tư PTHH và Tư vấn Xây dựng	Tư vấn xây dựng	36% 36%
7	Công ty Cổ phần CONINCO - Thăng Long	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	20% 20%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình là thương hiệu CONINCO, công ty ghi nhận theo nguyên giá và không thực hiện trích khấu hao tài sản cố định vô hình là thương hiệu.

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm kế toán Cyber Accounting 10.s, phần mềm nhập khẩu, phần mềm quản trị tập trung CMC và phần mềm Thiết kế và xây dựng trang website được ghi nhận theo nguyên giá và đã được khấu hao hết vào kết quả kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát thi công và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	7.295.376.382	3.520.477.633
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.490.817.842	41.452.445.742
Các khoản tương đương tiền	6.900.000.000	-
Tổng	53.686.194.224	44.972.923.375

5.2 Đầu tư tài chính

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	60.200.000.000	60.200.000.000	50.254.073.328	50.254.073.328
Tổng	60.200.000.000	60.200.000.000	50.254.073.328	50.254.073.328

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	54.991.651.118	43.681.727.657
Ban quản lý Dự án huyện Quế Võ	403.000.000	403.000.000
Công ty TNHH NN MTV Kim Khí Thăng Long	1.128.000.000	1.128.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	3.198.907.871
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	317.199.000	1.201.000.000
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	-	1.268.116.108
Công ty Cổ phần Tập đoàn SUNSHINE	1.500.000.000	-
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	1.696.501.818	1.496.234.514
Các đối tượng khác	49.946.950.300	34.986.469.164
Tổng	54.991.651.118	43.681.727.657

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.281.873.658	9.466.169.591
Cục viễn thông	-	2.048.750.727
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp DELTA	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Vàng	-	3.878.955.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	2.531.682.906	3.031.768.401
Các khoản trả trước cho người bán khác	11.750.190.752	506.694.613
Tổng	29.281.873.658	9.466.169.591

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	145.726.836.342	-	113.923.351.587	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	5.683.481.775	-
Tạm ứng (*)	100.531.374.469	-	77.594.450.370	-
Phải thu khác	45.195.461.873	-	30.645.419.442	-
<i>Phải thu khác-tiền điện</i>	<i>129.691.400</i>	-	<i>132.516.200</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền điện thoại</i>	<i>34.551.584</i>	-	<i>56.777.484</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền thuế VAT</i>	<i>65.141.697</i>	-	<i>42.757.241</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền BHXH, BHTN, KPCĐ</i>	<i>991.811.575</i>	-	<i>1.133.444.196</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu</i>	<i>405.302.528</i>	-	<i>378.070.195</i>	-
<i>Phải thu khác-khấu hao TSCĐ</i>	<i>322.631.178</i>	-	<i>423.415.778</i>	-
<i>Tiền ứng cho đoàn tư vấn giám sát và quản lý dự án các công trình (**)</i>	<i>26.812.153.826</i>	-	<i>25.656.926.383</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>16.434.178.085</i>	-	<i>2.821.511.965</i>	-
Tổng	145.726.836.342	-	113.923.351.587	-

(*): Chi tiết tạm ứng:

Nội dung	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đoàn tư vấn giám sát và quản lý các Dự án của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình	22.169.508.567	20.123.248.567
Đoàn tư vấn giám sát và quản lý các công trình của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	2.434.157.500	4.100.068.500
Đoàn tư vấn giám sát và quản lý các công trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	4.942.185.021
Công ty Cổ phần Phát triển UP	4.025.840.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam	6.148.800.000	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	8.368.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	3.854.005.000	3.260.100.000
Các đối tượng (chiếm dưới 10% tổng số tiền tạm ứng)	53.531.063.402	45.168.848.282
Tổng	100.531.374.469	77.594.450.370

(**): Chi tiết tiền ứng cho đoàn tư vấn giám sát và quản lý các công trình:

Nội dung	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án 239/05- Bộ Công An	4.656.977.892	4.656.977.892
Các đối tượng khác (chiếm dưới 10% tổng số tiền tạm ứng thi công)	22.155.175.934	20.999.948.491
Tổng	26.812.153.826	25.656.926.383

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	510.675.278	-	510.675.278	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn				285.775.278
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản LANMAK				224.900.000
Tổng				510.675.278

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	240.000	-	240.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.828.758.200	-	45.914.330.654	-
Tổng	50.828.998.200	-	45.914.570.654	-

Chi tiết sản xuất, kinh doanh dở dang theo từng công trình:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tư vấn thiết kế, giám sát thi công xây lắp công trình Nhà máy Luyện đồng Lào Cai	3.781.755.487	3.745.186.897
BQLDA Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình	6.582.904.948	3.810.156.839
Dự án 239/05 - Bộ Công An	2.730.595.376	2.730.595.376
Văn phòng Đại diện AF-Consult Switzerland Ltd tại Hà Nội	883.528.184	1.073.300.584
Tư vấn giám sát các công trình phụ trợ lắp đặt thiết bị BOT dự án đầu tư xây dựng Hầm đường bộ Đèo Cả	1.612.436.727	-
Các công trình khác	35.237.537.478	34.555.090.958
Tổng	50.828.758.200	45.914.330.654

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	16.600.121.593	12.149.807.194	11.697.308.404	5.368.512.129	45.815.749.320
Tăng trong năm	-	-	3.503.278.400	504.482.545	4.007.760.945
Mua trong năm	-	-	3.503.278.400	504.482.545	4.007.760.945
Giảm trong năm	-	-	-	856.412.927	856.412.927
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	856.412.927	856.412.927
Số dư tại 31/12/2017	16.600.121.593	12.149.807.194	15.200.586.804	5.016.581.747	48.967.097.338
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	8.008.121.991	11.617.776.358	5.852.284.635	4.467.536.147	29.945.719.131
Tăng trong năm	789.745.572	218.687.822	1.857.405.349	533.087.738	3.398.926.481
Khấu hao trong năm	789.745.572	218.687.822	1.857.405.349	533.087.738	3.398.926.481
Giảm trong năm	-	-	-	856.412.927	856.412.927
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	856.412.927	856.412.927
Số dư tại 31/12/2017	8.797.867.563	11.836.464.180	7.709.689.984	4.144.210.958	32.488.232.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	8.591.999.602	532.030.836	5.845.023.769	900.975.982	15.870.030.189
Tại 31/12/2017	7.802.254.030	313.343.014	7.490.896.820	872.370.789	16.478.864.653

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 với giá trị là 18.205.625.906 VND (tại ngày 01/01/2017: 17.225.212.176 VND).

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	-	678.728.180	678.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	-	678.728.180	678.728.180
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	1.150.000.000	-	1.150.000.000
Tại 31/12/2017	1.150.000.000	-	1.150.000.000

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.268.021.313	22.268.021.313	17.056.196.848	17.056.196.848
Đầu tư xây dựng Dự án Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng Xuân Phương Garden	17.096.196.848	17.096.196.848	17.056.196.848	17.056.196.848
Dự án tòa nhà Văn phòng tại Số 4 Tôn Thất Tùng	3.437.839.745	3.437.839.745	-	-
Dự án xây dựng phòng LAS-XD60	1.733.984.720	1.733.984.720	-	-
Tổng	22.268.021.313	22.268.021.313	17.056.196.848	17.056.196.848

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	758.912.660	96.493.424
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	502.889.024	96.493.424
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	256.023.636	-
b) Dài hạn	14.622.089.557	8.386.498.420
Chi phí và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.989.104.202	750.394.008
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	812.317.849	3.066.450.350
Tiền nhà đất để làm kho tại Trường Chinh	194.677.777	-
Thuê 01 sàn chung cư tại 242A Đê Lê Thành	4.399.356.395	4.569.654.062
Tiền nhà đất để xây dựng Trung tâm thí nghiệm + Phòng LAS XD60 - thời hạn 12 năm	3.153.300.000	-
Tiền nhà đất để làm kho tại 69 Lê Văn Lương thời hạn 30 tháng	1.073.333.334	-
Tổng	15.381.002.217	8.482.991.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.070.000.000	6.632.275.274	(1.437.724.726)	6.770.000.000	5.093.014.775	(1.676.985.225)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	2.280.000.000	842.275.274	(1.437.724.726)	2.280.000.000	603.014.775	(1.676.985.225)
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	-	-	-	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
Công ty Cổ phần Coninco	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
Đầu tư PTHH và Tư vấn Xây dựng						
Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	11.364.008.000	11.364.008.000	-	11.364.008.000	11.364.008.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-
Công ty LILAMA LAND	375.000.000	375.000.000	-	375.000.000	375.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	10.789.008.000	10.789.008.000	-	10.789.008.000	10.789.008.000	-
Tổng	19.434.008.000	17.996.283.274	(1.437.724.726)	18.134.008.000	16.457.022.775	(1.676.985.225)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty đầu tư	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	Số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Buôn bán và bảo trì thang máy	38%	38%
2	Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	P516,518,520 và 522 Toà nhà Coninco, Số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	25%	25%
3	Công ty Cổ phần CONINCO CN XD và Môi trường	P408, 410 Toà nhà Coninco, Số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	25%	25%
4	Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	P704 Toà nhà Coninco, Số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	29%	29%
5	Công ty Cổ phần CONINCO 3C	P604 Toà nhà Coninco, Số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	29%	29%
6	Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	36%	36%
7	Công ty Cổ phần CONINCO Thăng Long	Số 1 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	20%	20%



CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.562.819.629	3.562.819.629	3.577.601.885	3.577.601.885
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên I và Bedeschi	362.876.478	362.876.478	362.876.478	362.876.478
Tập đoàn Hợp tác Kinh tế Kỹ thuật Thượng Hải TQ	445.701.437	445.701.437	445.701.437	445.701.437
Công ty CP Xi măng Mai Sơn	430.163.496	430.163.496	430.163.496	430.163.496
Phải trả các đối tượng khác	2.324.078.218	2.324.078.218	2.338.860.474	2.338.860.474
<u>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</u>	2.167.000	2.167.000	39.065.550	39.065.550
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	2.167.000	2.167.000	39.065.550	39.065.550
Tổng	3.562.819.629	3.562.819.629	3.577.601.885	3.577.601.885

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	111.856.440.309	93.221.425.650
BQLDA Khu vực các công trình Giao thông Vận tải	274.676.908	2.384.433.415
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	1.335.437.000	4.346.382.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	4.664.100.000	-
Ban quản lý Công trình Xây dựng Phát triển Đô thị	12.598.000.000	-
Ban quản lý Dự án Hạ tầng Tả Ngạn	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	-	3.190.250.000
Sở Y tế Lạng Sơn	1.467.000.000	2.119.000.000
Trung tâm Vệ tinh Quốc Gia	1.508.651.000	1.963.630.000
Ban Quản lý Dự án Y tế Trọng điểm	1.102.080.000	1.928.640.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND	2.827.199.374	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	2.115.000.000	-
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	3.275.654.804	1.211.638.878
Trung tâm QLDA & TVXD CTGT Bình Thuận	1.583.993.600	1.583.993.600
Người mua trả tiền trước khác	79.104.647.623	71.493.457.757
Tổng	111.856.440.309	93.221.425.650

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017	
	Phải trả	Phải thu			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	663.317.545	-	28.657.625.671	29.072.171.942	1.650.772.732	248.771.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	523.166.355	3.748.155.061	3.530.772.854	-	69.107.587
Thuế thu nhập cá nhân	1.272.267.632	-	3.989.066.932	5.088.970.739	15.242.729	172.363.825
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	771.693.740	771.693.740	-	-
Các loại thuế khác	352.239.533	-	1.636.558.156	1.636.558.156	-	352.239.533
Tổng	2.287.824.710	523.166.355	38.803.099.560	40.100.167.431	1.666.015.461	842.482.219

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	150.141.212.151	124.234.327.440
Kinh phí công đoàn;	811.350.800	491.900.660
Bảo hiểm xã hội;	27.720.953	1.354.598
Tiền đặt cọc thuê sàn Văn phòng 50 năm tại số 4 Tôn Thất Tùng	18.057.600.000	-
Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ	118.486.205.345	95.859.572.063
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả</i>	<i>2.704.943.641</i>	<i>5.911.810.111</i>
<i>Công ty Cổ phần Phát triển UP</i>	<i>2.731.136.000</i>	<i>-</i>
<i>Văn phòng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao</i>	<i>-</i>	<i>170.103.500</i>
<i>Công ty CP Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21</i>	<i>-</i>	<i>2.120.739.000</i>
<i>Cục viễn thông</i>	<i>-</i>	<i>1.512.032.727</i>
<i>Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ khác</i>	<i>113.050.125.704</i>	<i>86.144.886.725</i>
Các khoản phải trả khác	12.758.335.053	27.881.500.119
Tổng	150.141.212.151	124.234.327.440

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	19.001.100.000	19.001.100.000	46.530.617.596	32.901.611.776	5.372.094.180	5.372.094.180
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 3 TP HCM (1)	-	-		5.372.094.180	5.372.094.180	5.372.094.180
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (2)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (3)	4.001.100.000	4.001.100.000	17.530.617.596	13.529.517.596	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
Tổng	19.001.100.000	19.001.100.000	46.530.617.596	32.901.611.776	5.372.094.180	5.372.094.180

(1): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 - TP HCM, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 01 năm kể từ thời điểm giải ngân.

(2): Hợp đồng cho vay từng lần số 0111/2017-HĐCVTL/NHCT126-COINCO ngày 17/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa và Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết Bị và Kiểm Định Xây Dựng - CONINCO. Số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: để thanh toán tạm ứng theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 141/2017/HĐKT-COINCO-BQLDA với Công ty TNHH XD Dân dụng và Công nghiệp Delta (Nhà thầu) về việc thực hiện gói thầu XL-01: Thi công xây dựng phần thô công trình. Thời hạn cho vay: đến 15/10/2018. lãi suất ưu đãi: 6,5%/năm. Khoản vay được cầm cố bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tỷ đồng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2017/HĐCC-NHCT126-COINCO.

(3): Hợp đồng thầu chi số 04/2017/2338409 ngày 22/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Giá trị hạn mức thầu chi: 4.950.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thầu chi: kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức thầu chi đến ngày 17/08/2018 Lãi suất: 6,5%/năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	44.000.000.000	9.900.000.000	14.589.021.952	9.064.371.245	77.553.393.197
Tăng trong năm	6.776.220.000	1.694.055.000	1.438.014.624	11.300.096.103	21.208.385.727
Tăng vốn	6.776.220.000	1.694.055.000	-	-	8.470.275.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	11.300.096.103	11.300.096.103
Trích lập các quỹ	-	-	1.438.014.624	-	1.438.014.624
Giảm trong năm	-	-	-	9.586.764.157	9.586.764.157
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.946.764.157	3.946.764.157
Chi cổ tức	-	-	-	4.840.000.000	4.840.000.000
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2016	-	-	-	800.000.000	800.000.000
Số dư tại 31/12/2016	50.776.220.000	11.594.055.000	16.027.036.576	10.777.703.191	89.175.014.767
Số dư tại 01/01/2017	50.776.220.000	11.594.055.000	16.027.036.576	10.777.703.191	89.175.014.767
Tăng trong năm	17.223.780.000	4.164.845.000	1.130.009.610	12.166.678.421	34.685.313.031
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	12.166.678.421	12.166.678.421
Trích lập các quỹ	-	-	1.130.009.610	-	1.130.009.610
Tăng vốn	17.223.780.000	4.164.845.000	-	-	21.388.625.000
Giảm trong năm	-	-	-	11.500.096.103	11.500.096.103
Chia trả cổ tức	-	-	-	6.956.400.000	6.956.400.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.543.696.103	3.543.696.103
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2017	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Số dư tại 31/12/2017	68.000.000.000	15.758.900.000	17.157.046.186	11.444.285.509	112.360.231.695

Công ty chia cổ tức, trích lập các quỹ theo Nghị Quyết số 56/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2017 Đại Hội cổ đông Thường niên năm 2017.



5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	17.340.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	50.660.000.000	39.556.220.000
Tổng	68.000.000.000	50.776.220.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	50.776.220.000	44.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	17.223.780.000	6.776.220.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	68.000.000.000	50.776.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.500.096.103	9.586.764.157

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.800.000	5.077.622
Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	5.077.622
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	-	57.301.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	354.858.018.958	332.826.481.973
Tổng	354.858.018.958	332.883.783.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	37.764.020	49.564.900
Giảm giá hàng bán	37.764.020	49.564.900
Doanh thu thuần	354.820.254.938	332.834.218.164

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng	-	52.129.240
Giá vốn cung cấp dịch vụ	308.293.625.110	283.899.646.185
Tổng	308.293.625.110	283.951.775.425

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.375.194.456	2.542.741.125
Cổ tức và lợi nhuận được chia	437.297.325	277.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.630.045	7.353.965
Doanh thu nhượng quyền thương mại	4.101.140.470	2.654.627.618
Tổng	7.923.262.296	5.481.906.708

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	292.582.080	157.500.000
Dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính dài hạn	(239.260.499)	1.676.985.225
Tổng	53.321.581	1.834.485.225

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.358.030.885	19.634.360.560
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	5.635.770.490	9.877.691.090
Chi phí khấu hao	741.907.499	700.778.233
Thuế, phí, lệ phí	774.693.740	801.162.300
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	510.675.278
Hoàn nhập dự phòng tiền lương phải trả	-	(1.150.000.000)
Chi phí khác bằng tiền	13.911.758.634	11.794.650.533
Tổng	42.422.161.248	42.169.317.994

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	493.746.840	576.427.070
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	918.056.700	1.193.073.850
Thu thanh lý tài sản cố định	844.909.091	322.727.273
Thu tiền từ tài trợ nghiên cứu theo tiêu chuẩn Việt Nam	-	560.037.060
Thu tiền photo, in ấn tài liệu	966.304.233	967.686.113
Thu nhập khác	1.077.943.572	1.114.723.876
Tổng	4.300.960.436	4.734.675.242
Chi phí khác		
Tiền phạt thuế, truy thu thuế	836.606.230	419.865.782
Giá trị còn lại tài sản cố định	-	385.925.455
Chi phí khác	826.207	103.002
Tổng	837.432.437	805.894.239
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	3.463.527.999	3.928.781.003

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	15.437.937.294	14.289.327.231
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	1.355.654.394	747.241.352
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	437.297.325	277.184.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	16.356.294.363	14.759.384.583
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.271.258.873	2.951.876.917
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	37.354.211
Tổng	3.271.258.873	2.989.231.128

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.271.258.873	2.951.876.917
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	37.354.211
Tổng	3.271.258.873	2.989.231.128

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.166.678.421	11.300.096.103
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000	800.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.166.678.421	10.500.096.103
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.770.726	5.077.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.649	2.068

5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	36.614.537.589	36.135.423.236
Chi phí nhân công	215.840.084.435	193.755.467.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.398.926.481	3.258.501.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.051.906.107	2.132.328.960
Chi phí khác bằng tiền	92.647.764.183	91.645.266.090
Tổng	351.553.218.795	326.926.987.658

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, BKS	Lương và thu nhập khác	7.806.891.442	6.548.495.107

Giao dịch với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Tiền thuê văn phòng	347.288.415	593.560.067
	Phí nhượng quyền thương hiệu	715.919.974	435.750.588
	Nhận cổ tức	80.853.000	52.500.000
	Dịch vụ khác	32.900.000	146.560.449
Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Tiền thuê văn phòng	111.536.570	184.136.220
	Phí nhượng quyền thương hiệu	397.272.727	709.045.454
	Dịch vụ khác	1.600.000	54.629.652
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Phí nhượng quyền thương hiệu	708.731.818	514.830.000
	Nhận cổ tức	72.000.000	72.000.000
	Dịch vụ khác	-	8.818.182
	Phí nhượng quyền thương hiệu	949.772.591	491.032.364
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Nhận cổ tức	102.000.000	71.170.000
	Dịch vụ khác	3.000.000	-
	Tiền thuê văn phòng	337.121.826	185.727.187
	Phí nhượng quyền thương hiệu	670.843.905	503.969.212
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Dịch vụ khác	22.516.356	75.024.794
	Nhận cổ tức	60.000.000	-
	Tiền thuê văn phòng	195.670.034	208.685.206
Công ty Cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	Bán thang máy	104.000.000	-
	Dịch vụ khác	30.614.700	28.723.313
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Nhận cổ tức	17.922.000	19.014.000
	Nhận cổ tức	-	62.500.000
Công ty Cổ phần CONINCO - Thăng Long	Phí nhượng quyền thương hiệu	687.095.306	-
	Dịch vụ khác	164.104.500	-
	Tiền thuê văn phòng	293.495.358	-

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.686.194.224	44.972.923.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	200.718.487.460	157.605.079.244
Đầu tư ngắn hạn	60.200.000.000	50.254.073.328
Đầu tư dài hạn	17.996.283.274	16.457.022.775
Tổng	332.600.964.958	269.289.098.722
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	19.001.100.000	5.372.094.180
Phải trả người bán và phải trả khác	153.704.031.780	127.811.929.325
Tổng	172.705.131.780	133.184.023.505

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	19.001.100.000	-	19.001.100.000
Phải trả người bán và phải trả khác	153.704.031.780	-	153.704.031.780
01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	5.372.094.180	-	5.372.094.180
Phải trả người bán và phải trả khác	127.811.929.325	-	127.811.929.325

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.686.194.224	-	53.686.194.224
Phải thu khách hàng và phải thu khác	200.718.487.460	-	200.718.487.460
Đầu tư ngắn hạn	60.200.000.000	-	60.200.000.000
Đầu tư dài hạn	17.996.283.274	-	17.996.283.274
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.972.923.375	-	44.972.923.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.605.079.244	-	157.605.079.244
Đầu tư ngắn hạn	50.254.073.328	-	50.254.073.328
Đầu tư dài hạn	16.457.022.775	-	16.457.022.775

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Nguyễn Văn Công